TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 292/2018/DS-PT
Ngày 31 - 10 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Ông Lê Thành Tôn

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Mân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp***: Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 15, 31 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2017/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp dân sự quyền sử dụng đất và thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2017/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 68/2018/QĐPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Kim B, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ 20, ấp B.M. B, xã B.T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện hợp pháp: Bà Bùi Mỹ Ngọc, sinh năm 1955;

Địa chỉ: phường M. P, khóm M.P, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Kim B là Luật sư Nguyễn Hồng Th - Văn phòng luật sư Hồng Th, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Võ Văn B, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp 4, xã M.H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp cho ông Bé: Ông Thái Quang Tr, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 278, đường K, Phường X, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1) Ông Bùi Văn H, sinh năm 1961.

2) Anh Bùi Văn S, sinh năm 1981.

3) Chị Bùi Thị Ngọc Tr, sinh năm 1983.

4) Anh Bùi Tuấn Th, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Tổ 20, ấp B.M. B, xã B. T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông H, anh S, chị Tr, anh Th: Bà Bùi Mỹ Ng, sinh năm 1955.

Địa chỉ: phường M.P, khóm M. Ph, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5) Chị Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 20, ấp B.M. B, xã B.T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

6) Anh Bùi Ngọc L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp 3, xã M. H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

7) Anh Bùi Ngọc Ph, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp An Lợi, xã A. B.A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

8) Bà Trần Kim K, sinh năm 1971.

9) Chị Võ Thị Kim O, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp 4, xã M.H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

10) Chị Võ Thị Tuyết Nh, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp 4, xã M. H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

11) Ông Trần Minh Đ, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp P.T, xã T .P Đ, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

12) Ông Kim Văn H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Khu C.X, TT. L. Th, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

13) Bà Trần Thị Th, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp Tân Q, xã T.Ph.Tr, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

14) Ông Trần Văn B, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Khóm X, Phường X, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

15) Bà Trần Kim L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp 2, xã M.H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

16) Ông Phan Thanh H, sinh năm 1970.

17) Bà Phan Hồng D, sinh năm 1976.

18) Ông Phan Hồng Ph, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Ấp Ph.Th, xã T. Ph. Đ, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho bà K, chị O, chị Nh, anh Đ, ông H, bà Th, ông B, bà L, ông H, bà D, ông Ph: Ông Thái Quang Tr, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 278, Đường M. K, Phường K, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

19) Bà Lê Thị L, sinh năm 1956.

20) Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Số 152/6/1, khóm H. Kh, Phường S, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

21) Chị Trần Thị Trúc L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 152/6/1, khóm H.K, Phường S, thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Cư trú: Số 271, ấp K. A, xã T. K.T, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

22) Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1996.

23) Anh Hà Minh S, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã M.H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

24) Ông Phan Thanh L, sinh năm 1949.

25) Ông Phan Quốc B, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp P. T, xã T. P. Đ, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

26) Ông Lê Văn H.

Địa chỉ: Tổ 26, Ấp 4, xã M. H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

27) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố Cao Lãnh .

Do ông Khương Văn B – chức vụ giám đốc làm đại diện.

28) Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn C.T – Chức vụ: Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh.

Địa chỉ: Khóm M. T, thị trấn M. T, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Trần Kim B, Phan Hồng Ph, Trần Minh Đ, Trần Kim K, Trần Kim L, Trần Thị Th, Trần Văn B,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn Trần Kim B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan H, S, Tr, Th, M, L, Ph trình bày:***

Đất mà bà Kim B tranh chấp có nguồn gốc là của ông M và bà S tạo dựng thuộc thửa 186 tờ bản đồ số 3. Khoảng năm 1990 ông M và bà S cố cho ông H diện tích 04 công phía sau thửa 186 mỗi công có diện tích 1.300m^2 với số vàng 32 chỉ vàng 24kr. Do hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống, không có tiền chuộc đất cố cho ông H nên năm 1995 bà B xuất vàng ra chuộc phần đất cố cho ông H. Sau khi chuộc đất xong thì bà S, ông M thống nhất bán cho bà B toàn bộ 04 thửa (167, 177, 180, 186) với giá 192 chỉ vàng 24kr, đồng thời canh tác đất từ năm 1995 cho đến nay. Đến năm 2005 bà B đã hoàn thành nghĩa vụ trả đủ 192 chỉ vàng 24kr (trả trực tiếp cho bà S, ông M 160 chỉ + vàng chuộc đất 32 chỉ trả cho ông H) nên ông M, bà S tiến hành thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật với hình thức tặng cho và bà B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2000 bà B cho ông B mướn 6.000m^2 đất ruộng và cho ở tạm trong căn nhà mà bà đã mua của bà S, ông M năm 1995 (việc mua nhà không có giấy tờ gì để chứng minh, cũng

không ai biết). Năm 2011 bà B lấy lại đất cho ông B thuê và yêu cầu ông B đi nơi khác nhưng ông B chỉ trả đất thuê mà không trả nhà và đất gắn liền với nhà. Do đó, nay bà Kim B yêu cầu hộ ông B di dời nhà đi nơi khác tức là bà B cho hộ ông B xác nhà, trả lại cho bà diện tích đất 84,2m^2 nằm trong phạm vi các mốc 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, thuộc thửa 186, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc xã M. H, huyện Cao Lãnh (theo sơ đồ đo đạt ngày 17/8/2015). Ngoài diện tích 84,2m^2 nói trên phía bà Kim B không yêu cầu hộ ông Võ Văn B, bà Trần Kim K trả diện tích nào khác. Bà Kim B không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của người liên quan. Trường hợp hủy giấy để chia thừa kế theo yêu cầu của người liên quan thì bà Kim B có các ý kiến và yêu cầu: Không yêu cầu chia thừa kế (đất, cây) với tư cách bà là một trong những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà S, ông M; phần cây cối thì yêu cầu người nào được chia đất có cây do bà Kim B trồng thì yêu cầu họ trả giá trị cây theo định giá. Ngoài ra, bà Kim B không đồng ý việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không đồng ý trả tiền vốn, lãi cho Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam vì chưa tới hạn. Bà Kim B rút yêu cầu trả 192 chỉ vàng đối với những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M, bà S, không yêu cầu trả công đầu tư trên đất, hay trả giá đất theo giá thị trường, khi nào có yêu cầu sẽ yêu cầu giải quyết sau bằng một vụ kiện khác.

**** Bị đơn Võ Văn B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Đ, H, Th, K, L, Trần Văn B, O, Nh, H, Ph, D trình bày:***

Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc đất. Hộ ông B, bà K đã ở trên đất vào khoảng năm 1991-1992 là do ông M, bà S cho ở tạm trên diện tích 84,2m^2 nằm trong phạm vi các mốc 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, thuộc thửa 186, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc xã M. H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (theo sơ đồ đo đạt ngày 17/8/2015) nhưng không làm giấy tờ cũng không ai biết. Trong quá trình ở như vậy đến năm 2000 có thuê đất 6.000m^2 trong 23.172m^2 đã được thẩm định, thuê là thuê của bà Kim B giá 50 giạ lúa/năm/6000m^2 đến năm 2010 ngưng thuê và trả đất. Do đất được cha mẹ cho ở tạm vì thế không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà B nhưng theo phán quyết của Tòa án hộ ông B, bà K phải di dời thì hộ ông, bà đồng ý di dời đi nơi khác mà không yêu cầu được ở lại. Bà K cũng như những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M, bà S mà anh Tr đại diện gồm: Đ, H, Th, K, L, Trần Văn B, H, Ph, D yêu cầu hủy giấy chứng nhận cấp cho hộ bà Kim B xác định đất 04 thửa mà bà B đứng tên có diện tích 23.172,6m^2 (nằm trong phạm vi các mốc 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15 theo bản đồ khu đất tranh chấp của bà Trần Kim B ngày 24/5/2016) là tài sản của ông M, bà S không liên quan gì đến người trong hộ của ông M, bà S tại thời điểm cấp đất. Do đó, không yêu cầu đưa những người trong hộ của Bà S, ông M vào tham gia vụ án với tư cách người liên quan. Năm 2010 ông M chết, năm 2014

bà S chết, cả hai đều không để lại di chúc vì vậy ông Đ, bà K, ông H, bà Th, ông B, bà L yêu cầu hộ bà Kim B chia cho mỗi người được thừa hưởng 1/9 tương ứng 2.574m^2. Các con bà L gồm: Hồng Ph, Hồng D, Thanh H cùng yêu cầu được chia chung phần của bà Liên 1/9 tương ứng 2.574m^2. Còn việc bà Kim B trình bày đất bà mua của cha mẹ thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất không biết. Mặt khác, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Kim B không phù hợp ở chỗ, người chuyển quyền ủy quyền cho người nhận chuyển quyền để thực hiện thủ tục tặng cho vào năm 2005 đây là căn cứ để hủy giấy chứng nhận.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L đồng thời là đại diện theo ủy quyền cho chị Trần Thị Ngọc H trình bày:***

Bà là vợ của ông Trần Ngọc Ch, ông Ch là con của ông M, bà S, ông Ch đã chết cách đây 30 năm tức là chết trước ông M, bà S. Còn phần đất 04 thửa có diện tích 23.172,6m^2 hiện do bà B đứng tên quyền sử dụng đất như đã nêu ở trên là đất của ông M, bà S và ông M chết năm 2010, bà S đã chết năm 2014 không để lại di chúc. Năm 1995 bà Kim B nhận chuyển nhượng đất của ông M, Sáu một cách thầm lén không hợp lệ. Tuy nhiên, bà L không yêu cầu chia thừa kế cho bà vì bà không thuộc diện được hưởng thừa kế tức là bà xin rút yêu cầu chia thừa kế và chị H cũng không yêu cầu chia thừa kế thế vị trong vụ án này khi nào có yêu cầu sẽ yêu cầu sau.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Trúc L trình bày:***

Chị là con ông Ngọc Ch, cha chị đã chết như phía mẹ chị là bà Lê Thị L trình bày. Trong vụ án này chị có yêu cầu được hưởng phần di sản của cha chị là ông Ch tức là chị yêu cầu chia thừa kế thế vị theo đó yêu cầu hủy giấy chứng nhận cấp cho bà Kim B yêu cầu bà B chia 1/9 di sản của cha chị nếu còn sống sẽ được hưởng tương ứng diện tích 2.574m^2.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cao Lãnh trước đây do ông Nguyễn Tiến N đại diện trình bày:***

Ngày 07/01/2017, bà Trần Kim B có đến Ngân hàng vay số tiền 450.000.000đồng lãi suất là 10%/năm, thời hạn vay là 60 tháng với mục đích cải tạo vườn. Để đảm bảo các khoản tiền vay bà B có thế chấp 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm thửa 167, 177, 180, 186 cùng thuộc tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc xã M.H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Khoản vay của bà B hiện nay chưa đến hạn trả và bà B đã đóng lãi được 02 kỳ nhưng khi bà B vay tiền thì hồ sơ của bà B hoàn toàn hợp lệ nên Ngân hàng không biết việc các thửa đất mà bà B thế chấp để vay tiền đang có tranh chấp tại Tòa án, đến khi được Tòa án huyện Cao Lãnh

thông báo thì Ngân hàng mới biết và có đơn yêu cầu. Nay Ngân hàng yêu cầu bà B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 450.000.000đồng và lãi tính đến ngày 21/9/2017 là 9.000.000đồng. Sau khi hộ bà B thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Kim B.

* Đại diện nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định hiện trạng đất tranh chấp, số lượng cây cối, kiến trúc có trên đất đã được thẩm định tính đến ngày xét xử sơ thẩm không có gì thay đổi.

Bản án số 52/2017/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh quyết định :

- Chấp nhận yêu cầu đòi đất của bà Trần Kim B;

- Buộc hộ ông Võ Văn B, bà Trần Kim K, chị Võ Thị Kim O, chị Võ Thị Tuyết Nh, anh Hà Minh S, anh Nguyễn Văn H di dời nhà, trả lại diện tích 84,2m^2 đất lúa (nằm trong phạm vi các mốc 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, thuộc thửa 186, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc xã M.H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo sơ đồ đo đạt được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất duyệt ngày 17/8/2015) cho bà Trần Kim B.

+ Nhà có kết cấu như sau: Nhà chính và nhà bếp kết cấu khung cây tạp, mái lợp tol và lợp lá, vách tol và lá, nền lót gạch tàu.

+ Buộc hộ ông Võ Văn B, bà Trần Kim K, chị Võ Thị Kim O, chị Võ Thị Tuyết Nh, anh Hà Minh S, anh Nguyễn Văn H di dời các cây cối như sau: Hạnh: 01 cây; Mai: 09 gốc; Mít: 01 cây; Nhãn: 01 cây.

- Hộ bà Trần Kim B được sở hữu toàn bộ cây cối (trừ số cây mà hộ ông B di dời) có trên đất thuộc 04 thửa 186, 177, 180, 167, tờ bản đồ số 03 gồm: Tràm, gáo, bạch đàn, dừa, mít, xoài, trâm (kèm theo biên bản thẩm định ngày 12/8/2015 và ngày 19/5/2016)

- Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia thừa kế của ông Trần Minh Đ, ông Kim Văn H, bà Trần Thị Th, bà Trần Kim K, bà Trần Kim L, ông Trần Văn B, anh Phan Thanh H, Phan Hồng Ph, Phan Hồng D.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia thừa kế của bà Lê Thị L. Bà L được quyền yêu cầu khởi kiện lại theo thủ tục chung.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đòi 192 chỉ vàng của bà Trần Kim B. Bà B được quyền yêu cầu khởi kiện lại theo thủ tục chung.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia thừa kế của ông Phan Thanh L và anh Phan Quốc B. Ông L và anh B được quyền khởi kiện lại theo thủ tục chung.

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

- Buộc hộ bà Trần Kim B, ông Bùi Văn H, anh Bùi Văn S, chị Bùi Thị Ngọc Tr, anh Bùi Tuấn Th, chị Lê Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam số tiền vay 450.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 21/9/2017 là 9.000.000đồng; tổng cộng 459.000.000đồng (Bốn trăm năm mươi chín triệu).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

* Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/8/2015 và định giá ngày 08/9/2015 là 1.500.000đồng hộ ông Võ Văn B phải chịu số tiền này để trả cho bà B vì bà B đã tạm ứng trước.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/5/2016 và định giá ngày 21/6/2016 là 9.051.000đồng ông Đ, ông H, bà Th, bà K, bà L, ông Trần Văn B, anh H, anh Ph, chị D phải chịu và đã nộp xong.

* Về án phí:

- Bà Trần Kim B, ông Bùi Văn H, anh Bùi Văn S, anh Bùi Tuấn Th, chị Bùi Thị Ngọc Tr, chị Lê Thị Tuyết M phải nộp 22.360.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.530.000đồng theo các biên lai số 032686 ngày 20/7/2015, số 037275 ngày 06/11/2015 và số 13100 ngày 25/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Sau khi khấu trừ còn phải nộp thêm 6.830.000đồng.

- Hộ ông Võ Văn B, bà Trần Kim K, chị Võ Thị Kim O, chị Võ Thị Tuyết Nh phải chịu 278.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Minh Đ phải chịu 200.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.079.000đồng theo các biên lai số 037683 ngày 11/3/2016 và số 01874 ngày 19/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Sau khi khấu trừ ông Đ được nhận lại là 3.879.000đồng.

- Bà Trần Kim L phải chịu 200.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.079.000đồng theo các biên lai số 037686 ngày 11/3/2016 và số 01876 ngày 19/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Sau khi khấu trừ bà L được nhận lại là 3.879.000đồng.

- Bà Trần Thị Th phải chịu 200.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.079.000đồng theo các biên lai số 037688 ngày 14/3/2016 và số 01878 ngày 19/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Sau khi khấu trừ bà Th còn được nhận lại là 3.879.000 đồng.

- Ông Kim Văn H phải chịu 200.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.079.000đồng theo các biên lai số 037685 ngày 11/3/2016 và số 01879 ngày 19/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Sau khi khấu trừ ông H còn được nhận lại là 3.879.000 đồng.

- Bà Trần Kim K phải chịu 200.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.079.000đồng theo các biên lai số 037684 ngày 11/3/2016 và số 01875 ngày 19/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Sau khi khấu trừ bà K còn được nhận lại là 3.879.000đồng.

- Ông Trần Văn B phải chịu 200.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.079.000đồng theo các biên lai số 037689 ngày 14/3/2016 và số 01877 ngày 19/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Sau khi khấu trừ ông B còn được nhận lại là 3.879.000đồng.

- Anh Phan Hồng Ph, chị Phan Hồng D, Phan Thanh H phải chịu 200.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Phan Thanh H, Phan Hồng D, Phan Hồng Ph mỗi người được nhận lại 433.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 037682; số 037680; số 037679 ngày 11/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Số tiền tạm ứng án phí 1.731.000đồng mà ông Phan Thanh L đã nộp theo biên lai số 037687 ngày 14/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh được sung vào công quỹ nhà nước.

- Số tiền tạm ứng án phí là 433.000đồng mà anh Phan Quốc B đã nộp theo biên lai số 037681 ngày 11/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh được sung vào công quỹ nhà nước.

- Hoàn trả cho bà Lê Thị L 3.538.000đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 05117 ngày 08/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cao Lãnh 11.000.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 13075 ngày 23/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Ngoài bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự. Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự Trần Kim B, Phan Hồng Ph; Trần Minh Đ; Trần Kim K; Trần Kim L; Trần Thị Th; Trần Văn B kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

1) Bà Trần Kim B không đồng ý trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Cao Lãnh số tiền 450.000.000 đồng và số tiền án phí phải chịu trên 20.000.000đồng do bà không có vi phạm hợp đồng tín dụng của bà với Ngân hàng.

2) Ông Phan Hồng Ph, ông Trần Minh Đ, bà Trần Kim K, bà Trần Kim L, bà Trần Thị Th, ông Trần Văn B yêu cầu:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 20.145m^2 thuộc thửa số 601, tờ bản đố số 5 (nay là thửa 167, 177, 180, 186 cùng thuộc tờ bản đố số 3), tọa lạc tại xã M.H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã được cấp cho hộ và Trần Kim B.

- Yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 20.145m^2 thuộc thửa số 601, tờ bản đố sô 5 (nay là thửa 167, 177, 180, 186 cùng thuộc tờ bản đố số 3), tọa lạc tại xã M.H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cho các đồng thừa kế của ông M và bà S theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Ng, luật sư Hồng Th, ông B, ông Tr, bà L, chị Trúc L, đại diện Ngân hàng là anh Khương Văn B, ông Đ, bà B có mặt trình bày đã cung cấp thêm đầy đủ chứng cứ cho Tòa án xem xét giải quyết vụ án.

Bà Ng trình bày do hộ gia đình bà B thực hiện đúng hợp đồng với Ngân hàng; việc đất tranh chấp khi vay tiền Ngân hàng thì hộ gia đình bà B không có trách nhiệm thông báo cho Ngân hàng mà thủ tục này do cán bộ tín dụng Ngân hàng thẩm định; nếu đầy đủ và đúng thủ tục thì mới cho vay nên không đồng ý trả tiền cho Ngân hàng.

Luật sư Th trình bày: Tài sản hợp lệ của hộ gia đình bà B được công nhận nên hộ bà B được quyền thế chấp vay tiền Ngân hàng. Bà B thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà B. Đối với kháng cáo yêu cầu chia thừa kế của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị không chấp nhận do đất sử dụng ổn định từ năm 1995 đến nay. Ông B cũng thừa nhận tờ di chúc do ông viết khẳng định việc chuyển nhượng đất cho bà Bình.

Anh Tr trình bày: hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 15/3/2005 là chưa đúng theo quy định pháp luật vì hộ ông M, bà S lúc này có tới 12 người trong hộ. Đối với 160 chỉ vàng 24k chưa có căn cứ bà B trả cho ông M, bà S. Theo tờ di chúc là chưa làm rõ do ông B viết nhưng chưa xác định là ông M, bà S ký tên nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam do anh Khương Văn B đại diện trình bày: Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo ý kiến anh Nguyễn Tiến N trước đây đại diện đã trình bày. Bà B vi phạm theo thỏa thuận hợp đồng; ngày 25/5/2017 Ngân hàng đã có làm việc với bà B và bà cũng đã có cam kết xử lý nợ cho Ngân

hàng trong vòng 7 ngày nên Ngân hàng không đồng ý theo kháng cáo của bà B. Tuy nhiên do đối với số tiền nợ hiện nay hộ gia đình bà B đã trả chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền vốn vay là 270.000.000đồng và tiền lãi đến ngày 29/10/2018 là 150.000đồng. Tổng cộng là 270.150.000đồng nên yêu cầu hộ bà B trả và tiếp tục phải chịu tiền lãi theo hợp đồng kể từ ngày 30/10/2018.

Bà Lệ, chị L ý kiến: đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án đối với hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng với hộ bà B trong đó theo mục 7 hợp đồng thế chấp có thỏa thuận bà B có trách nhiệm thông báo cho Ngân hàng về tài sản thế chấp. Nhưng bà B không thông báo là vi phạm hợp đồng nên không chấp nhận kháng cáo bà B, nhưng do bà B đã thanh toán giãm bớt nợ cho Ngân hàng. Do đó đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm; chấp nhận một phần kháng cáo của bà B. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án tranh chấp hộ gia đình bà Trần Kim B khởi kiện yêu cầu hộ ông Võ Văn B di dời nhà trả lại cho nguyên đơn phần diện tích đất 84,2m^2 nằm trong phạm vi các mốc 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, thuộc thửa 186, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc xã M.H.

[2] Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Trần Kim B để chia thừa kế theo pháp luật diện tích 23.172,6m^2 nằm trong phạm vi các mốc 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15 theo bản đồ đo đạc ngày 24/5/2016.

[3] Nguồn gốc đất được các bên đương sự xác định là của ông Trần Văn M (ông M chết ngày 01/10/2010) và bà Trần Thị S (bà S chết ngày 09/6/2014) tạo dựng có tổng diện tích đo đạt thực tế 23.172,6m^2. Hiện nay do hộ bà Kim B quản lý sử dụng và được UBND huyện Cao Lãnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/11/2011.

[4] Ông Mè, bà Sáu chết không để lại di chúc. Khi còn sống ông M, bà S có 10 người con gồm: Trần Kim B, Trần Kim K, Trần Minh Đ, Kim Văn H, Trần Thị Th, Trần Văn B, Trần Kim L, Trần Kim L (bà Kim L chết ngày 11/10/2012 có

chồng là ông Phan Thanh L, có con Phan Quốc B, Phan Hồng D, Phan Hồng Ph, Phan Thanh H), Trần Ngọc Ch (ông Ch chết cách đây 30 năm có vợ là bà Lê Thị L con là Trần Thị Ngọc H, Trần Thị Trúc L) và Trần Kim H (chết năm 1983, không có chồng con). Khoảng năm 1996 ông M, bà S cố cho ông H diện tích 5.200m^2 giá 32 chỉ vàng 24kr trong tổng diện tích 23.172,6m^2. Do không có vàng chuộc đất nên bà Kim B xuất vàng ra chuộc đất sau đó; ông M, bà S chuyển nhượng toàn bộ đất cho bà Kim B được lập thủ tục chuyển quyền thông qua hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/3/2005. Năm 2000 bà Kim B cho vợ chồng ông B, bà K thuê 6.000m^2 để canh tác; phía ông B, bà K thừa nhận là có thuê đất của bà Kim B giá 50 giạ lúa/năm canh tác đến năm 2010 thì lấy lại không cho thuê nữa.

Việc chuyển nhượng này giữa ông M, bà S với bà B còn được khẳng định văn bản có tiêu đề "tờ di chúc" ngày 26/10/2007.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Khoản năm 2001 hộ bà S, ông M, ông Đ đã chuyển hộ khẩu về S. Đ sinh sống giao toàn bộ đất cho bà B canh tác. Do vậy, phía gia đình ông Đ cho rằng mình không biết việc chuyển nhượng là không có cơ sở.

[6] Phía bị đơn là ông B, bà K trình bày việc ở trên đất là được cha mẹ cho ở tạm từ năm 1992 nhưng bà K, ông B không có chứng cứ chứng minh việc ông M, bà S cho ở tạm 84,2m^2 đất từ năm 1992 mà phải xác định vợ chồng K, B ở trên đất từ khi nhận thuê đất năm 2000 của bà Kim B như trình bày của bà Kim B mới phù hợp. Vì vậy nhà và cây cối do bà K, ông B trồng thì hộ của ông B, bà K phải di dời đi nơi khác trả đất theo yêu cầu của hộ bà Kim B.

[7] Việc đại diện bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tr cho rằng thủ tục chuyển quyền sử dụng đất từ bà S, ông M sang cho bà Kim B vi phạm ở chổ người chuyển nhượng ủy quyền cho người nhận chuyển nhượng. Tuy có việc vi phạm nhưng trên thực tế tại thời điểm chuyển nhượng người có tài sản, có nguyện vọng chuyển dịch tài sản của mình qua cho người khác thông qua giao dịch hợp pháp chứ không bị lừa dối hay ép buột. Các đương sự xác định đất là tài sản của ông M, bà S tạo dựng không liên quan gì đến quyền lợi người trong hộ tại thời điểm cấp đất nên việc chuyển quyền sử dụng đất từ ông M, bà S qua cho bà Kim B không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của những người trong hộ tại thời điểm chuyển quyền.

[8] Để khẳng định ý nguyện việc chuyển nhượng đất và cũng để cho những người con khác không tranh chấp hay cản trở việc sử dụng đất của bà Kim B, năm 2007 ông M, bà S đã thảo tờ di chúc. Đất hộ bà Kim B đang quản lý sử dụng nên không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận hộ bà B theo yêu cầu của phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[9] Do đó, đất thuộc quyền sở hữu hộ bà B 04 thửa đất có diện tích 23.172,6m^2 nên không còn là di sản của bà S, ông M, nên bà K cũng như những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm các ông, bà: Đ, H, Th, K, L, Trần Văn B, con bà L gồm: H, Ph, D yêu cầu chia thừa kế là không có căn cứ để chấp nhận.

[10] Đối với việc rút yêu cầu của bà Lê Thị L; việc rút yêu cầu trả 192 chỉ vàng của bà Kim B là tự nguyện không bị lừa dối hay cưỡng ép nên đình chỉ phần yêu cầu của bà L, bà Kim B.

[11] Đối ông Phan Thanh L và anh Phan Quốc B có yêu cầu độc lập nhưng vắng mặt mà không có lý do chính đáng nên đình chỉ yêu cầu của ông L và anh B. Đối với chị Trần Thị Trúc L, chị Trần Thị Ngọc H không yêu cầu chia thừa kế thế vị nên không xem xét trong vụ án.

[12] Việc Ngân Hàng NN và PTNT Việt Nam yêu cầu hộ bà B trả tiền vay vì khi ký hợp đồng vay 17/01/2017 bà Kim B biết tài sản bà mang đi thế chấp là đất 04 thửa 167, 177, 180, 186 đang có tranh chấp được Tòa án huyện Cao Lãnh thụ lý giải quyết nhưng bà không thông báo cho Ngân hàng biết về tình trạng tài sản thế chấp nên Ngân hàng yêu cầu trả nợ trước hạn hộ bà Kim B phải có nghĩa vụ trả cho Ngân Hàng 450.000.000đồng và lãi tính đến ngày 21/9/2017 là 9.000.000đồng là phù hợp .

[13] Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận yêu cầu trả đất của gia đình bà B đối với hộ gia đình ông B. Không chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc hủy giấy chứng nhận QSD đất và chia thừa kế đối với bà B. Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam đối với hộ bà B.

[14] Các đương sự Trần Kim B, Phan Hồng Ph; Trần Minh Đ; Trần Kim K; Trần Kim L; Trần Thị Th; Trần Văn B không đồng ý kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét kháng cáo bà B không đồng ý trả nợ trước hạn cho Ngân hàng, lý do bà không biết khi vay tiền phải thông báo cho Ngân hàng đất đang tranh chấp và bà thực hiện việc thanh toán nợ cho Ngân hàng đúng theo hợp đồng. Xét kháng cáo của bà B không có cơ sở chấp nhận vì tại đơn khởi kiện ngày 02/7/2015 bà đã có nêu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp vay tiền Ngân hàng; bà sẽ thanh toán nợ khi đến hạn. Tại thời điểm này bà B vay tiền tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Cao Lãnh. Tòa án huyện Cao Lãnh đã có thông báo cho Ngân hàng và các đương sự biết về việc tham gia tố tụng của Ngân hàng. Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam chi nhánh huyện Cao Lãnh không khởi kiện yêu cầu hộ gia đình bà B trả tiền. Đến ngày 17/01/2017, hộ bà B thay đổi giao dịch đến Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam chi nhánh thành phố Cao Lãnh vay số tiền 450.000.000đồng. Theo điều 7 của Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 17/01/2017 và Hợp đồng tín dụng đã ghi rõ nghĩa vụ thông tin về tài sản

đảm bảo thế chấp Ngân hàng. Do đó không chấp nhận kháng cáo này của bà B. Tuy nhiên về số tiền nợ của Ngân hàng do hộ gia đình bà B trả nợ Ngân hàng số tiền tiền chỉ còn thiếu theo yêu cầu của Ngân hàng là tiền vốn 270.000.000đồng và tiền lãi đến ngày 29/10/2018 là 150.000đồng. Tổng cộng là 270.150.000đồng nên sửa bản án sơ thẩm về phần yêu cầu này.

[15] Đối với kháng cáo ông Phan Hồng Ph, ông Trần Minh Đ, bà Trần Kim K, bà Trần Kim L, bà Trần Thị Th, ông Trần Văn B yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia thừa kế phần đất hộ gia đình bà B. Thì hộ ông Đ cho rằng đất của hộ gia đình ông M, bà S trong đó có vợ chồng ông Đ, bà Th, anh T có ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng đất cho bà B nên Tòa án cấp sơ thẩm không chia thừa kế cho các con ông M, bà S và không đưa toàn bộ hộ gia đình ông M tại thời điểm năm 2005 vào tham gia tố tụng là không đảm bảo thủ tục tố tụng. Xét nguồn gốc đất được xác định tài sản chung vợ chồng ông M, bà S không phải là đất của hộ gia đình. Đất ông M, bà S thể hiện nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị X vào năm 1979 từ tiền dành dụm của ông bà có được. Ngày 16/3/2005 ông M ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà B với hình thức cha cho con. Thời điểm này trong hộ gia đình ông M cùng đồng ý ký tên thủ tục chuyển nhượng đất cho bà B không ai tranh chấp.

[17] Năm 2010 ông M chết không có phát sinh tranh chấp; đến năm 2012 có thể hiện ông Đ nhận ủy quyền của bà S để tranh chấp đòi bà B trả đất. Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh thụ lý giải quyết; qua chứng cứ thể hiện không có căn cứ bà S có yêu cầu và nộp đơn tranh chấp để được Ủy ban nhân dân xã M.H hòa giải theo thủ tục, mà chỉ thể hiện ông Đ khởi kiện bà B tranh chấp yêu cầu chia thừa kế nên Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đình chỉ giải quyết vụ án theo quyết định số 197/2013/QĐST-DS ngày 22/8/2013. Bà S và ông Đ không có kháng cáo nên xác định ông M, bà S khi còn sống không có tranh chấp yêu cầu gia đình bà B trả lại đất.

[18] Mặt khác trước đó ngày 26/10/2007 ông M, bà S còn có tờ di chúc nhưng thực tế là nội dung xác định lại chuyển nhượng đất của ông bà với bà B đã có nêu rõ ông bà đã có thông báo cho các con và đã thống nhất; bà B đã xuất ra số tiền tương đương với số đất mà ông bà định bán, đồng thời cấp dưỡng cho ông bà đến ngày lâm chung; các con ông, bà không có quyền tranh chấp với bà B. Việc viết tờ di chúc có người chứng kiến ông Nguyễn Văn T, Trần Văn Ch, Phạm Văn D (trưởng ấp) ký xác nhận. Ông Võ Văn B (là con rễ ông M, bà S) thừa nhận tờ di chúc năm 2007 của ông M, bà S ký tên do chính ông viết; ông M ký không thì ông không biết nhưng ông đưa cho người làm chứng ký xác nhận và giữ cho đến năm 2010 thì bà B mới lấy. Ông B không có chứng cứ chứng minh ông M, bà S không có ký tên như vậy cho thấy việc bà B có tờ di chúc này là hoàn toàn khách quan.

Việc ông Võ Văn B cho rằng có tên trong hộ gia đình ông M nhưng gia đình ông B cũng không có đóng góp gì về đất mà chỉ thuê đất bà B canh tác. Nên không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu chia thừa kế.

[19] Từ những nhận định trên xét yêu cầu kháng cáo của bà B và các kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có cơ sở chấp nhận nhưng do bà B trả bớt tiền cho Ngân hàng nên Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đề nghị sửa bản án sơ thẩm là phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định sửa bản án sơ thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà B số tiền còn lại phải trả nợ cho Ngân hàng. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[20] Tuy nhiên, bản án sơ thẩm về phần tuyên quyết định đình chỉ đối với việc rút yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L; việc rút yêu cầu trả 192 chỉ vàng của bà Kim B; đình chỉ yêu cầu của ông Phan Thanh L và anh Phan Quốc B do vắng mặt mà không có lý do chính đáng lại được quyền khởi kiện vụ án theo thủ tục chung là chưa chính xác. Bởi vì vụ án đã giải quyết quyết định không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế, giữ nguyên diện tích đất cho hộ gia đình bà B. Bà L được xác định không có quyền khởi kiện nên rút đơn khởi kiện. Bà B đã được chấp nhận yêu cầu, công nhận việc chuyển nhượng đất giữa bà B với ông M, bà S là 192 chỉ vàng 24k nên ghi lại tuyên án phần đình chỉ.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Do kháng cáo bà B được chấp nhận sửa một phần bản án sơ thẩm nên bà B không phải chịu án phí án phí phúc thẩm. Số tiền hộ gia đình bà B trả cho Ngân hàng đã giãm. Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu hộ bà B trả số tiền vốn và lãi đến ngày 29/10/2018 là 270.150.000đồng nên hộ bà B phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 13.507.500đồng. Yêu cầu kháng cáo của Phan Hồng Ph; Trần Minh Đ; Trần Kim K; Trần Kim L; Trần Thị Th; Trần Văn B không được chấp nhận nên các đương sự này phải chịu án phí án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 203 Luật Đất Đai;

Điều 320, 466, 649, 650, 651, 463, 466 Bộ luật dân sự;

Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 2 điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án;

Sửa một phần bản án sơ thẩm

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Kim B.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm .

Không chấp nhận kháng cáo Phan Hồng Ph; Trần Minh Đ; Trần Kim K; Trần Kim L; Trần Thị Th; Trần Văn B.

- Chấp nhận yêu cầu đòi đất của bà Trần Kim B;

- Buộc hộ ông Võ Văn B, bà Trần Kim K, chị Võ Thị Kim O, chị Võ Thị Tuyết Nh, anh Hà Minh S, anh Nguyễn Văn H di dời toàn bộ kiến trúc nhà, đồ vật cây trồng trên đất trả lại diện tích 84,2m^2 đất lúa (nằm trong phạm vi các mốc 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15) thuộc thửa 186, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc xã M. H, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo sơ đồ đo đạt ngày 17/8/2015 cho bà Trần Kim B. Cụ thể về căn nhà tại thời điểm thẩm định:

+ Nhà có kết cấu như sau: Nhà chính và nhà bếp kết cấu khung cây tạp, mái lợp tol và lợp lá, vách tol và lá, nền lót gạch tàu.

+ Buộc hộ ông Võ Văn B, bà Trần Kim K, chị Võ Thị Kim O, chị Võ Thị Tuyết Nh, anh Hà Minh S, anh Nguyễn Văn H di dời các cây cối như sau: Hạnh: 01 cây; Mai: 09 cây; Mít: 01 cây; Nhãn: 01 cây.

- Hộ bà Trần Kim B được sở hữu toàn bộ cây cối (trừ số cây mà hộ ông B di dời) có trên đất thuộc 04 thửa 186, 177, 180, 167, tờ bản đồ số 03 gồm: Tràm, gáo, bạch đàn, dừa, mít, xoài, trâm (kèm theo biên bản thẩm định ngày 12/8/2015 và ngày 19/5/2016)

- Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia thừa kế của ông Trần Minh Đ, ông Kim Văn H, bà Trần Thị Th, bà Trần Kim K, bà Trần Kim L, ông Trần Văn B, anh Phan Thanh H, Phan Hồng Ph, Phan Hồng D.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia thừa kế của bà Lê Thị L.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đòi 192 chỉ vàng của bà Trần Kim B.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia thừa kế của ông Phan Thanh L và anh Phan Quốc B.

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

- Buộc hộ bà Trần Kim B, ông Bùi Văn H, anh Bùi Văn S, chị Bùi Thị Ng Tr, anh Bùi Tuấn Th, chị Lê Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam số tiền vay 270.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/10/2018 là 150.000đồng; tổng cộng 270.150.000đồng.

Đồng thời phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2018 của số tiền vốn vay chưa trả theo hợp đồng tín dụng số 06111712.003/HĐTD ngày 17 tháng 01 năm 2017 cho đến khi trả hết số tiền vốn vay cho Ngân hàng.

* Án phí, chi phí dân sự sơ thẩm:

+ Chi phí dân sự sơ thẩm:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/8/2015 và định giá ngày 08/9/2015 là 1.500.000đồng hộ ông Võ Văn B phải chịu số tiền này để trả cho bà B vì bà B đã tạm ứng trước.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/5/2016 và định giá ngày 21/6/2016 là 9.051.000đồng ông Đ, ông H, bà Th, bà K, bà L, ông Trần Văn B, anh H, anh Ph, chị D phải chịu và đã nộp xong.

+ *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Bà Trần Kim B, ông Bùi Văn H, anh Bùi Văn S, anh Bùi Tuấn Th, chị Bùi Thị Ngọc Tr, chị Lê Thị Tuyết M phải nộp 13.507.500đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.530.000đồng theo các biên lai số 032686 ngày 20/7/2015, số 037275 ngày 06/11/2015 và số 13100 ngày 25/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Sau khi khấu trừ được nhận lại 2.022.500đồng.

- Hộ ông Võ Văn B, bà Trần Kim K, chị Võ Thị Kim O, chị Võ Thị Tuyết Nh phải chịu 278.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Minh Đ phải chịu 200.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.079.000đồng theo các biên lai số 037683 ngày 11/3/2016 và số 01874 ngày 19/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Sau khi khấu trừ ông Đ được nhận lại là 3.879.000đồng.

- Bà Trần Kim L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.079.000 đồng theo các biên lai số 037686 ngày 11/3/2016 và số 01876 ngày 19/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Sau khi khấu trừ bà L được nhận lại là 3.879.000đồng.

- Bà Trần Thị Th phải chịu 200.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.079.000đồng theo các biên lai số 037688 ngày 14/3/2016 và số 01878 ngày 19/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Sau khi khấu trừ bà Th còn được nhận lại là 3.879.000 đồng.

- Ông Kim Văn H phải chịu 200.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.079.000đồng theo các biên lai số 037685 ngày 11/3/2016 và số 01879 ngày 19/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Sau khi khấu trừ ông H còn được nhận lại là 3.879.000 đồng.

- Bà Trần Kim K phải chịu 200.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.079.000đồng theo các biên lai số 037684 ngày 11/3/2016 và số 01875 ngày 19/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Sau khi khấu trừ bà K còn được nhận lại là 3.879.000đồng.

- Ông Trần Văn B phải chịu 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.079.000đồng theo các biên lai số

037689 ngày 14/3/2016 và số 01877 ngày 19/7/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Sau khi khấu trừ ông B còn được nhận lại là 3.879.000đồng.

- Anh Phan Hồng Ph, chị Phan Hồng D, Phan Thanh H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Phan Thanh H, Phan Hồng D, Phan Hồng Ph mỗi người được nhận lại 433.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 037682; số 037680; số 037679 ngày 11/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Số tiền tạm ứng án phí 1.731.000đồng mà ông Phan Thanh L đã nộp theo biên lai số 037687 ngày 14/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh được sung vào công quỹ nhà nước.

- Số tiền tạm ứng án phí là 433.000đồng mà anh Phan Quốc B đã nộp theo biên lai số 037681 ngày 11/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh được sung vào công quỹ nhà nước.

- Hoàn trả cho bà Lê Thị L 3.538.000đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 05117 ngày 08/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cao Lãnh tiền tạm ứng án phí 11.000.000đồng đã nộp theo biên lai số 13075 ngày 23/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

+ Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Trần Kim B được nhận lại 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 16033 ngày 27/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Ông Trần Minh Đ phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 16074 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Ông Đ không phải nộp thêm.

- Bà Trần Kim L phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 16075 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Bà L không phải nộp thêm.

- Bà Trần Thị Th phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 16079 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Bà Th không phải nộp thêm.

- Bà Trần Kim K phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 16078 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Bà K không phải nộp thêm.

- Ông Trần Văn B phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 16076 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Ông B không phải nộp thêm.

- Anh Phan Hồng Ph phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 16077 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Anh Ph không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Chí Tâm